

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Nhung  
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.***

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Hà T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 41 Lô H Khu phố B, đường D, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trương Anh N, sinh năm 1954, quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: USA.

*(Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn là bà Đinh Thị Hà T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trương Anh N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2017 ngày 06 tháng 7 năm 2017. Sau khi kết hôn, bà và ông Trương Anh N chung sống khoảng 01 tháng, sau đó ông Trương Anh N trở về Mỹ, bà và ông Trương Anh N phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, dù bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Anh N.

*Về con chung:* Bà và ông Trương Anh N không có con chung.

*Về tài sản chung:* Bà và ông Trương Anh N không có tài sản chung.

*Về nợ chung:* Bà và ông Trương Anh N không có nợ chung.

*Theo Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 13/11/2020, bị đơn là ông Trương Anh N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Đinh Thị Hà T kết hôn vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2017 ngày 06 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ông và bà Đinh Thị Hà T chung sống khoảng 01 tháng, sau đó ông trở về Mỹ, ông và bà Đinh Thị Hà T chủ yếu liên lạc qua điện thoại. Ông không đưa bà Đinh Thị Hà T sang Mỹ được, sự xa cách về địa lý khiến ông và bà Đinh Thị Hà T dần không còn tình cảm với nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống khác nhau, không thể hàn gắn được. Do đó, ông đồng ý ly hôn với bà Đinh Thị Hà T.

*Về con chung:* Ông và bà Đinh Thị Hà T không có con chung.

*Về tài sản chung:* Ông và bà Đinh Thị Hà T không có tài sản chung.

*Về nợ chung:* Ông và bà Đinh Thị Hà T không có nợ chung.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn là bà Đinh Thị Hà T và bị đơn là ông Trương Anh N đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:*

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngày 05/10/2020, bà Đinh Thị Hà T có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết cho bà Đinh Thị Hà T được ly hôn với ông Trương Anh N. Do ông Trương Anh N đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Đinh Thị Hà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về tố tụng:*

Nguyên đơn là bà Đinh Thị Hà T có Đơn xin vắng mặt, đồng thời bị đơn là ông Trương Anh N cũng có Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*Về quan hệ hôn nhân:* Giữa bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai của bà Đinh Thị Hà T và Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt của ông Trương Anh N đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco,

Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Hà T xin được ly hôn với ông Trương Anh N.

*Về con chung:* Bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N đều trình bày là không có con chung, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung:* Bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N đều trình bày là không có tài sản chung, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N đều trình bày là không có nợ chung, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

*Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Đinh Thị Hà T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Đinh Thị Hà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đinh Thị Hà T, cụ thể như sau:

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2017 ngày 06 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N không còn giá trị pháp lý, kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

#### **2. Về con chung:**

Bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N đều trình bày là không có con chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

#### **3. Về tài sản chung:**

Bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N đều trình bày là không có tài sản chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

#### **4. Về nợ chung:**

Bà Đinh Thị Hà T và ông Trương Anh N đều trình bày là không có nợ chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

#### **5. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Đinh Thị Hà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Đinh Thị Hà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0092810 ngày 15/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đinh Thị Hà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

#### **6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:**

Bà Đinh Thị Hà T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Đinh Thị Hà T là 15 ngày, kể từ ngày bà Đinh Thị Hà T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Trương Anh N vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Trương Anh N là 01 tháng, kể từ ngày ông Trương Anh N được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận M, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mỹ Hạnh**